

Bản án số: 11/2018/HN-ST  
Ngày: 22/01/2018  
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Rèn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Sương.
2. Ông Nguyễn Công Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre:** Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 560/2017/TLST-HN ngày 20/11/2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST - HN ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Thu H, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2017, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Dương Thị Thu H trình bày:*

Chị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C vào ngày 27 tháng 10 năm 2014. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Do thiếu tìm hiểu kỹ trước khi cưới nên khi về chung sống cùng nhau được vài tháng thì giữa chị H và anh H1 sống không hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do giữa chị H và anh H1 có nhiều điểm về tính cách không hợp nhau, anh H1 thiếu quan tâm, chăm sóc, tôn trọng chị H, gia đình bên chồng khó khăn với chị H khi chị sống cùng anh H1. Trong thời gian chung sống, anh H1 không cho chị H bất kỳ khoản tiền nào để chi xài cá nhân và lo cho con, mọi chi tiêu cá nhân thiết yếu của chị H và con chủ yếu là xin từ mẹ ruột. Trước cuộc sống quá khó khăn, chị H chia sẻ với anh H1 thì anh H1 không thông cảm mà còn gây gổ, xúc phạm chị H, xua đuổi chị H ra khỏi nhà. Chính vì không chấp nhận thái độ, hành vi khó khăn của chồng và gia đình chồng, từ năm 2015 chị H mang theo con chung là cháu Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 06/6/2015 về sống cùng mẹ ruột, chính thức sống ly thân với anh H1 từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân anh H1 không có liên hệ với chị H để hàn gắn tình cảm. Nay chị H xác định tình cảm với anh H1 không còn,

cuộc hôn nhân giữa chị với anh H1 có duy trì cũng không hạnh phúc. Vì vậy chị H yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Từ khi chị H, anh H1 sống ly thân, con chung là cháu Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 06/6/2015 do chị H nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H đồng ý tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2017 anh H1 trình bày xác nhận: Hôn nhân giữa anh và chị H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã E. Sau khi cưới đôi bên chung sống có 01 con chung là cháu H2. Tuy nhiên vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay do giữa đôi bên không hợp tính nhau, sống không có hạnh phúc.

Đối với việc chị H yêu cầu ly hôn với anh H1 thì anh đồng ý; Về con chung giữa chị H và anh H1 khi Tòa giải quyết ly hôn thì anh H1 đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng; Anh H1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H2 mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Tài sản chung, nợ chung: không có; Đồng thời anh H1 có đơn yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt anh.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh H1 đã tồn tại mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt của con chung đề nghị Tòa áp dụng các Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục: Anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Dương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 27 tháng 10 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Từ năm 2015 chị H và anh H1 đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân hai bên không có thiện chí, biện pháp hàn gắn tình cảm, mỗi người có cuộc sống riêng, kinh tế

riêng. Chị H xác định không còn tình cảm với anh H1 và kiên quyết xin ly hôn với anh H1. Anh H1 thì xác định anh và chị H tính tình không hợp nhau, đã sống ly thân 02 năm nay, anh không yêu cầu được hàn gắn mà đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Qua đó đủ cơ sở Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh H1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xét ý kiến của chị H, anh H1 về việc chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 06/6/2015; Anh H1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H2 mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi cháu H2 tròn 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của chị H, anh H1 đồng thời cũng đảm bảo được quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung chị Dương Thị Thu H , anh Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Dương Thị Thu H ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Chị Dương Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 06/6/2015 cho đến khi cháu H2 tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H2 mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi cháu H2 tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung được tính bắt đầu từ ngày 22/01/2018.

Anh H1 có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

5.1 Chị Dương Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012494 ngày 16/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Án phí hôn nhân chị H đã nộp xong.

5.2 Anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Rên**

